

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Lê Hữu Cảnh	Thành viên
Ông Tạ Văn Sơn	Thành viên độc lập
Bà Lại Thị Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2026 do hết hạn nhiệm kỳ 2021 - 2026)
Bà Vũ Thị Lương Dung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2026 do hết hạn nhiệm kỳ 2021 - 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2026)
Ông Ngô Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Lương Dung	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Đạt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt đã ủy quyền cho Ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo Giấy Ủy quyền số 08/GUQ- DNC ngày 07 tháng 4 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Số: 238/VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2026, từ trang 04 đến trang 38 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.139.051.071	156.076.908.632
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.485.226.805	27.539.108.948
1. Tiền	111	5	31.485.226.805	27.539.108.948
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	28.802.859.398	34.985.448.677
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.044.448.320	23.251.769.373
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.758.411.078	11.733.679.304
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.043.808.437	79.408.065.395
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	108.407.228.498	55.451.353.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.295.320.846	848.992.745
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	8	29.341.259.093	23.107.718.978
IV. Hàng tồn kho	140	9	8.698.458.866	12.675.799.355
1. Hàng tồn kho	141		8.855.946.445	12.841.672.314
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(157.487.579)	(165.872.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.108.697.565	1.468.486.257
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10	2.094.451.733	1.085.842.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	304.509.133
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	13	14.245.832	78.134.944
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.942.742.408	97.963.957.066
I. Tài sản cố định	220		60.458.801.320	62.547.359.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	55.440.806.576	57.627.187.607
- Nguyên giá	222		150.642.922.915	147.212.066.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.202.116.339)	(89.584.878.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.017.994.744	4.920.171.700
- Nguyên giá	228		6.398.179.248	6.148.179.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.380.184.504)	(1.228.007.548)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		905.896.458	38.636.155
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	14	905.896.458	38.636.155
III. Tài sản dài hạn khác	270		40.578.044.630	35.377.961.604
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10	40.578.044.630	35.377.961.604
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		312.081.793.479	254.040.865.698

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		152.647.625.288	93.267.606.958
I. Nợ ngắn hạn	310		150.343.014.327	91.624.162.416
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	104.368.104.601	54.708.770.300
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.477.991.589	1.134.934.906
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	13	7.020.125.941	9.951.779.845
4. Phải trả người lao động	315		1.049.423.080	1.059.252.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	20.774.520.775	14.377.888.915
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	8.889.668.979	8.115.746.005
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	2.381.447.161	280.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.381.732.201	1.995.789.488
II. Nợ dài hạn	330		2.304.610.961	1.643.444.542
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		2.304.610.961	1.643.444.542
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	159.434.168.191	160.773.258.740
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.346.810.000	100.346.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.346.810.000	100.346.810.000
2. Thặng dư vốn	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		57.866.130.997	59.205.221.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		35.716.414.658	3.626.433.700
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		22.149.716.339	55.578.787.846
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		312.081.793.479	254.040.865.698

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu

Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	618.935.903.052	499.052.514.353
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	22	618.935.903.052	499.052.514.353
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	581.889.353.906	460.634.551.473
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.046.549.146	38.417.962.880
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	930.221.613	465.741.574
6. Chi phí tài chính	23	26	82.518.324	(851.918.800)
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		82.518.324	257.985.329
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.597.521.693	10.325.997.191
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 26)}	30		27.296.730.742	29.409.626.063
9. Thu nhập khác	31	28	911.345.671	76.827.479
10. Chi phí khác	32	29	223.405.999	857.586.724
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		687.939.672	(780.759.245)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.984.670.414	28.628.866.818
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.173.787.656	5.657.107.083
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	661.166.419	398.853.669
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.149.716.339	22.572.906.066
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.207	2.249

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểuMai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởngLê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	27.984.670.414	28.628.866.818
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.769.414.397	4.912.703.934
- Các khoản dự phòng	03	(8.385.380)	(1.135.673.194)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(930.221.613)	(44.846.036)
- Chi phí đi vay	06	82.518.324	257.985.329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.897.996.142	32.619.036.851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(59.065.290.252)	(32.297.764.558)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(143.509.849)	(2.885.013.456)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	57.912.811.736	49.881.330.680
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(4.578.315.023)	(8.692.857.483)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	3.207.321.053	9.886.685.075
- Chi phí đi vay phải trả	14	(82.518.324)	(262.321.494)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.855.137.355)	(4.997.958.504)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.050.842.675)	(4.086.233.386)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.242.515.453	39.164.903.725
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDHkhác	21	(2.249.258.551)	(1.967.383.048)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.045.822.000)	(1.091.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.860.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	949.257.294	18.657.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.654.176.743	(1.179.725.938)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.390.837.417	70.304.550.505
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.289.390.256)	(70.175.842.294)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.052.021.500)	(12.039.595.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.950.574.339)	(11.910.886.989)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.946.117.857	26.074.290.798
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.539.108.948	20.631.732.678
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái và quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	31.485.226.805	46.706.023.476



Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005, sửa đổi lần thứ 19 số 0200155561 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 8 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Công ty là 100.346.810.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 154 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 159 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính
I	Chi nhánh phụ thuộc		
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Hạ Long	LV1-23 Khu Sun Premier, Village, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Truyền tải và phân phối điện Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Ecopark Hải Dương	Tầng 3+4, Số 94 đường Hải An (TT1-KD32-09) TDP15, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương mại Du lịch Văn Giang, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Truyền tải và phân phối điện
4	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Nghệ An	TG1-16/LK53-18, Khu đô thị Eco Central Park, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Truyền tải và phân phối điện

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Phú Quốc đã ngừng hoạt động theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc chấm dứt hoạt động, hiện tại Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế Chi nhánh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này - Chi tiết tại Thuyết minh số 37.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 30 tháng 6 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến 30 tháng 6 năm 2026.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ trong ngắn hạn với mục đích thu lãi. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi) với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở số đã thu đến kỳ báo cáo và số dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế mà Công ty là bên có quyền đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh mà Công ty có quyền đồng kiểm soát thông qua thỏa thuận bằng hợp đồng dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận sau thuế, trong đó quy định các bên tham gia được hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh, mà không thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập, được Công ty kế toán tương tự như trường hợp hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao do quyền sử dụng đất là lâu dài.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, chi phí cải tạo và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba năm. Riêng với công tơ điện từ đo xa, Công ty thực hiện phân bổ với thời gian là 6 năm theo chu kỳ kiểm định của công tơ đo xa.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng bao gồm bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***5. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	716.173.461	505.023.427
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	30.769.053.344	27.034.085.521
Cộng	31.485.226.805	27.539.108.948

(*) Trong đó:

Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	11.401.715.065	5.907.456.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.088.164.116	13.550.241.893
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.649.555.652	927.910.519
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.426.459.854	5.101.453.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	20.044.448.320	20.044.448.320	-	23.251.769.373
Cộng	20.044.448.320	20.044.448.320	-	23.251.769.373
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hà Nội	7.042.830.137	7.042.830.137	-	10.053.698.630
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	1.715.580.941	1.715.580.941	-	1.679.980.674
Cộng	8.758.411.078	8.758.411.078	-	11.733.679.304

Ghi chú:

- (i) Phản ánh các khoản chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng do Công ty sở hữu với mục tiêu thu lãi ngắn hạn, lãi suất năm giữ chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn từ 5,5% đến 6%/năm (kỳ hạn gốc của các chứng chỉ tiền gửi là 48 tháng, lãi suất từ 6,2% đến 6,7%/năm).
- (ii) Phản ánh khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có phần có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,2% đến 8,3%/năm.
- (*) Trong đó, như trình bày tại Thuyết minh số 18, theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2025/12264402/HĐBĐ, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long với số dư gốc là 1.091.000.000 VND (số dư lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.153.921.048 VND), được cầm cố làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với mục đích vay thanh toán chi phí mua điện hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn (i)	108.407.228.498	-	55.451.353.672	-
Cộng	108.407.228.498	-	55.451.353.672	-

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có người mua nào có số dư chiếm tỷ lệ hơn 10% trên tổng số dư phải thu khách hàng ngắn hạn.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu tiền điện, nước tạm tính (i)	18.603.993.634	-	14.742.475.241	-
Phải thu tạm ứng cho nhân viên	10.262.066.283	-	8.205.686.458	-
Ký cược, ký quỹ	18.045.455	-	96.045.455	-
Phải thu khác	457.153.721	-	63.511.824	-
Cộng	29.341.259.093	-	23.107.718.978	-

Ghi chú:

- (i) Phải thu khác tương ứng doanh thu tiền điện, nước tạm tính kể từ ngày chốt công tơ kỳ cuối đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại một số khu vực.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.792.145.325	(157.487.579)	10.085.628.843	(165.872.959)
Công cụ, dụng cụ	208.846.927	-	205.310.824	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	854.954.193	-	2.550.732.647	-
Cộng	8.855.946.445	(157.487.579)	12.841.672.314	(165.872.959)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, không có khả năng tiêu thụ là 1.076.133.517 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 619.154.554 VND); Trong đó chủ yếu là các nguyên vật liệu, vật tư dự phòng để sửa chữa và một số lô vật tư công tơ 3 pha đang có kế hoạch thanh lý trong quý 3 năm 2026.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 8.385.380 VND do đã thanh lý một số nguyên vật liệu kém chất lượng và không có nhu cầu sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.094.451.733	1.085.842.180
Công cụ dụng cụ xuất dùng	436.954.379	711.887.033
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.657.497.354	373.955.147
b) Dài hạn	40.578.044.630	35.377.961.604
Công cụ dụng cụ xuất dùng (i)	37.222.136.951	34.183.615.915
Chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp	2.407.948.983	386.075.821
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	947.958.696	808.269.868
Cộng	42.672.496.363	36.463.803.784

Ghi chú:

- (i) Công cụ dụng cụ xuất dùng chủ yếu là giá trị công tơ điện tử đo xa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	4.086.629.248	2.061.550.000	6.148.179.248
Mua trong kỳ	-	250.000.000	250.000.000
Số dư cuối kỳ	4.086.629.248	2.311.550.000	6.398.179.248
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.228.007.548	1.228.007.548
Khấu hao trong kỳ	-	152.176.956	152.176.956
Số dư cuối kỳ	-	1.380.184.504	1.380.184.504
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	4.086.629.248	833.542.452	4.920.171.700
Tại ngày cuối kỳ	4.086.629.248	931.365.496	5.017.994.744

Danh mục các tài sản cố định vô hình đang hiện hữu và đã thanh lý/nhượng bán/chuyển nhượng trong kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

STT	Tên tài sản cố định	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND
1	Quyền sử dụng đất nhà văn phòng 2 tầng xí nghiệp điện Thủy Nguyên	3.406.629.248	-	3.406.629.248	-
2	Quyền sử dụng đất kho xí nghiệp điện An Dương	680.000.000	-	680.000.000	-
3	Phần mềm quản lý thông tin khách hàng bằng máy tính bảng	625.000.000	625.000.000	625.000.000	625.000.000
Cộng		4.711.629.248	625.000.000	4.711.629.248	625.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP THEO)**

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 680.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 680.000.000 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 625.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 625.000.000 VND).

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo cam kết mua phần mềm với trị giá là 1.460.000.000 VND.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp/ thu trong kỳ	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.119.407.576	5.940.736.980	5.513.598.333	1.546.546.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.821.756.972	5.173.787.656	8.855.137.355	5.140.407.273
Thuế thu nhập cá nhân	10.615.297	2.414.296.267	2.243.050.005	181.861.559
Tiền thuê đất	-	320.962.483	183.407.133	137.555.350
Các loại thuế khác	-	39.755.536	26.000.000	13.755.536
Cộng	9.951.779.845	13.889.538.922	16.821.192.826	7.020.125.941
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	78.134.944	63.889.112	-	14.245.832
Cộng	78.134.944	63.889.112	-	14.245.832

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phần mềm Bravo	848.000.000	-
Công trình điện tại 3 phường An Dương	57.896.458	38.636.155
Cộng	905.896.458	38.636.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty Điện lực Hưng Yên - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	34.156.362.473	18.003.519.422
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương	31.217.289.968	9.301.110.792
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Thủy Nguyên	16.261.358.806	7.502.141.566
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Vĩnh Bảo	10.361.507.518	4.081.923.265
Các đối tượng khác	12.371.585.836	15.820.075.255
Cộng	104.368.104.601	54.708.770.300

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, tiền thưởng	1.229.552.836	5.934.049.742
Trích trước tiền điện, tiền nước đầu nguồn	18.847.585.090	7.731.301.140
Các khoản khác	697.382.849	712.538.033
Cộng	20.774.520.775	14.377.888.915

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải trả đội thi công công trình đường bao Đông Nam Hải An	2.138.586.370	2.318.586.370
Phải trả Ông Trần Ngọc Hải tiền nộp các công trình xây dựng	968.696.801	968.696.801
Ký quỹ hợp đồng mua bán điện	3.980.209.906	3.124.679.906
Các khoản phải trả khác	1.802.175.902	1.703.782.928
Cộng	8.889.668.979	8.115.746.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu kỳ
		Tăng	Giảm	
	VND		VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	1.001.374.654	6.007.506.122	5.006.131.468	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	1.000.072.507	3.003.331.295	2.003.258.788	-
Bà Nguyễn Thị Lý (iii)	380.000.000	380.000.000	280.000.000	280.000.000
Cộng	2.381.447.161	9.390.837.417	7.289.390.256	280.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2025/HĐCD/VCB-DNC.HP ký ngày 28 tháng 6 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 11 tỷ VND. Thời hạn vay 12 tháng. Thời hạn cho vay cho mỗi khoản vay không quá 2 tháng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

Biện pháp bảo đảm:

- Thẻ chấp xe ô tô Toyota Land Cruiser Prado biển số 15A-565.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098695 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 01 năm 2020 (xem Thuyết minh số 11);
- Thẻ chấp căn hộ chung cư số 706 thuộc tòa A1, Khu căn hộ rừng cọ, Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DD 448738 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 02 tháng 12 năm 2021 (xem Thuyết minh số 11);
- Cầm cố/Thế chấp Sổ tiết kiệm/Tiền gửi của cá nhân là thành viên góp vốn Công ty sở hữu trực tiếp từ 5% vốn điều lệ Công ty trở lên (bằng tiền VND và/hoặc ngoại tệ): quy đổi tối thiểu 10 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp đồng đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/202969/HĐTD ký ngày 30 tháng 6 năm 2026 với hạn mức tín dụng ngắn hạn tối đa 12.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2027. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

Biện pháp bảo đảm:

- Thế chấp bất động sản là các công trình phụ trợ được xây dựng trên thửa đất 4.857 m², tờ bản đồ số 00 địa chỉ số 34 Thiên Lôi, phường An Biên, thành phố Hải Phòng kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 789814 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 02 năm 2007 cho Công ty (xem Thuyết minh số 11).
- Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, gốc tiền gửi là 1.091.000.000 VND, số dư lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.153.921.048 VND (xem Thuyết minh số 6).
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 215/2017/202969/HĐBĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) ký kết giữa Công ty Cổ phần Điện nước Lấp máy Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01-2026/HĐVV ngày 01 tháng 4 năm 2026. Số tiền vay là 380.000.000 VND, thời hạn 01 năm. Theo hình thức cho vay và trả nợ 01 lần. Lãi suất phải trả tiền vay là 6,0%/năm (được tính là 360 ngày). Lãi vay trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Ngoài ra, Công ty có còn nghĩa vụ đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT166-DNC và Hợp đồng thế chấp động sản số 02/2023/HĐBĐ/NHCT166-DNC giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, trong kỳ Công ty chưa thực hiện vay vốn từ ngân hàng. Tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 63 - tờ bản đồ số 08, diện tích 100,0 m² tại thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (xem Thuyết minh số 12).
- Xe ô tô Mercedes-Benz E200 BKS: 15A-989.46 (xem Thuyết minh số 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.277.800.000	(50.000.000)	557.368.590	713.858.604	51.763.109.139	133.262.136.333
- Tăng vốn trong năm trước	20.069.010.000	-	-	-	(20.069.010.000)	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	55.578.787.846	55.578.787.846
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.907.155.853)	(1.907.155.853)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2024	-	-	-	-	(12.039.595.200)	(12.039.595.200)
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025	-	-	-	-	(10.034.681.000)	(10.034.681.000)
- Phân chia lợi nhuận liên danh	-	-	-	-	(4.086.233.386)	(4.086.233.386)
Số dư đầu kỳ	100.346.810.000	(50.000.000)	557.368.590	713.858.604	59.205.221.546	160.773.258.740
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	22.149.716.339	22.149.716.339
- Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(2.485.942.713)	(2.485.942.713)
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2025 (i)	-	-	-	-	(15.052.021.500)	(15.052.021.500)
- Phân chia lợi nhuận liên danh (i)	-	-	-	-	(5.950.842.675)	(5.950.842.675)
Số dư cuối kỳ	100.346.810.000	(50.000.000)	557.368.590	713.858.604	57.866.130.997	159.434.168.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2025 trong kỳ này.

Cụ thể như sau:

- Phân phối cổ tức từ lợi nhuận giữ lại năm 2025 (đợt 2): 15% vốn điều lệ, tương đương 15.052.021.500 VND.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 5%: 2.485.942.713 VND.
- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

Công ty	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark	5.572.358.695
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP	179.080.269
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	108.494.620
Cộng	5.859.933.584

Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp thương mại số tiền 90.909.091 VND, số tiền này là cố định hàng kỳ và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.346.810.000	80.277.800.000
+ Vốn góp đầu năm	100.346.810.000	80.277.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	100.346.810.000	80.277.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.052.021.500	12.039.595.200

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.034.681	10.034.681
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.034.681	10.034.681
+ Cổ phiếu phổ thông	10.034.681	10.034.681
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.034.681	10.034.681
+ Cổ phiếu phổ thông	10.034.681	10.034.681

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**Vốn điều lệ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ	Vốn điều lệ đã góp
	%	VND	%	VND
Ông Nguyễn Trung Kiên	29,77%	29.876.850.000	29,77%	29.876.850.000
Ông Đỗ Huy Đạt	25,40%	25.492.180.000	25,40%	25.492.180.000
Ông Lê Hữu Cảnh	12,41%	12.453.160.000	12,41%	12.453.160.000
Bà Lại Thị Dinh	7,97%	8.001.120.000	7,97%	8.001.120.000
Công ty TNHH Hà Nam Xanh	6,39%	6.410.850.000	6,39%	6.410.850.000
Vốn góp của các đối tượng khác	18,05%	18.112.650.000	18,05%	18.112.650.000
Cộng	100%	100.346.810.000	100%	100.346.810.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Nợ khó đòi đã xử lý:**

Tên đối tượng	Số tiền	Nguyên nhân xóa sổ khoản nợ
	VND	
Ban Quản lý xã Tam Đa - Công trình đường ống nước xã Tam Đa	306.598.000	Sau tinh gọn bộ máy và vận hành chính quyền địa phương hai cấp, lãnh đạo ban quản lý dự án đã nghỉ hoặc điều chuyển nên công tác thu nợ gặp nhiều khó khăn
Thu lãi vay Công trình - Bệnh viện Việt Tiệp 2	143.538.776	

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các lĩnh vực: bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và lĩnh vực khác.

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)**

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	603.695.462.078	7.725.292.709	7.515.148.265	618.935.903.052
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	603.695.462.078	7.725.292.709	7.515.148.265	618.935.903.052
Giá vốn bộ phận	569.670.885.728	7.517.277.863	4.701.190.315	581.889.353.906
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.024.576.350	208.014.846	2.813.957.950	37.046.549.146
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	484.588.511.884	9.099.565.961	5.364.436.508	499.052.514.353
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	484.588.511.884	9.099.565.961	5.364.436.508	499.052.514.353
Giá vốn bộ phận	448.544.324.832	8.636.360.745	3.453.865.896	460.634.551.473
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.044.187.052	463.205.216	1.910.570.612	38.417.962.880

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện	603.695.462.078	484.588.511.884
Doanh thu bán nước	7.725.292.709	9.099.565.961
Doanh thu khác	7.515.148.265	5.364.436.508
Cộng	618.935.903.052	499.052.514.353

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bán điện	569.670.885.728	444.513.408.186
Giá vốn của dịch vụ bán nước	7.517.277.863	8.636.360.745
Giá vốn của dịch vụ khác	4.701.190.315	3.453.865.896
Giá vốn dự án Phú Quốc	-	4.030.916.646
Cộng	581.889.353.906	460.634.551.473

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.316.330.939	13.083.749.015
Chi phí nhân công	23.806.523.456	22.482.316.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.769.414.397	4.912.703.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.729.370.805	423.092.595.137
Chi phí khác bằng tiền	8.865.236.002	7.389.183.728
Cộng	592.486.875.599	470.960.548.664

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi đầu tư khác	930.221.613	465.741.574
Cộng	930.221.613	465.741.574

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí đi vay	82.518.324	257.985.329
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	-	(1.109.904.129)
Cộng	82.518.324	(851.918.800)

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	6.634.818.957	6.616.686.451
Chi phí khấu hao TSCĐ	408.818.761	775.373.104
Thuế, phí và lệ phí	334.718.019	370.215.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.931.736	355.876.544
Các khoản chi phí QLDN khác	2.792.234.220	2.207.845.827
Cộng	10.597.521.693	10.325.997.191

28. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý công cụ dụng cụ	907.577.044	-
Các khoản khác	3.768.627	76.827.479
Cộng	911.345.671	76.827.479

29. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản bị phạt	140.000.000	-
Các khoản chi phí khác	83.405.999	857.586.724
Cộng	223.405.999	857.586.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.984.670.414	28.628.866.818
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.115.732.135)	(343.331.402)
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	1.190.099.960	1.650.936.943
- Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	593.000.000	505.000.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	597.099.960	1.145.936.943
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	3.305.832.095	1.994.268.345
- Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	3.305.832.095	1.994.268.345
Thu nhập chịu thuế	25.868.938.279	28.285.535.416
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.173.787.656	5.657.107.083
Chi phí thuế TNDN hoãn lại (**)	661.166.419	398.853.669
Chi phí thuế TNDN	5.834.954.075	6.055.960.752

() Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	3.305.832.095	1.994.268.345
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	661.166.419	398.853.669

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 1.190.099.960 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	22.149.716.339	22.572.906.066
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	22.149.716.339	22.572.906.066
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.034.681	10.034.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.207	2.249

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh cho cả năm 2025, tuy nhiên, Công ty không tách được quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 nên không trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2026, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	2.381.447.161	280.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	31.485.226.805	27.539.108.948
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	159.434.168.191	160.773.258.740
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.485.226.805	27.539.108.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.730.442.136	78.463.027.195
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.802.859.398	34.985.448.677
Các khoản ký quỹ	18.045.455	96.045.455
Cộng	198.036.573.794	141.083.630.275
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.381.447.161	280.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	113.257.773.580	62.824.516.305
Chi phí phải trả	20.774.520.775	14.377.888.915
Cộng	136.413.741.516	77.482.405.220

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán/niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.485.226.805	-	-	31.485.226.805
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.730.442.136	-	-	137.730.442.136
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.802.859.398	-	-	28.802.859.398
Các khoản ký quỹ	18.045.455	-	-	18.045.455
Cộng	198.036.573.794	-	-	198.036.573.794
Số đầu kỳ				
Các khoản vay	2.381.447.161	-	-	2.381.447.161
Phải trả người bán và phải trả khác	113.257.773.580	-	-	113.257.773.580
Chi phí phải trả	20.774.520.775	-	-	20.774.520.775
Cộng	136.413.741.516	-	-	136.413.741.516
Chênh lệch thanh khoản thuần	61.622.832.278	-	-	61.622.832.278
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.539.108.948	-	-	27.539.108.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.463.027.195	-	-	78.463.027.195
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.985.448.677	-	-	34.985.448.677
Các khoản ký quỹ	96.045.455	-	-	96.045.455
Cộng	141.083.630.275	-	-	141.083.630.275
Số đầu kỳ				
Các khoản vay	280.000.000	-	-	280.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	62.824.516.305	-	-	62.824.516.305
Chi phí phải trả	14.377.888.915	-	-	14.377.888.915
Cộng	77.482.405.220	-	-	77.482.405.220
Chênh lệch thanh khoản thuần	63.601.225.055	-	-	63.601.225.055

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. THÔNG TIN KHÁC

Trong kỳ, Công ty tham gia vào các hợp đồng liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cự Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08 tháng 3 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu đô thị Cự Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Tài sản khai thác là Hệ thống đường dây và Trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban Quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 1208/HĐLD ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê đôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+950); Tài sản khai thác là Hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng làm Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác tính theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động điện lực do Sở Công thương thành phố Hải Phòng cấp thay cho Giấy phép hoạt động điện lực số 151 ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Cục Điều tiết Điện lực; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30 tháng 3 năm 2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại “Dự án Sun Premier Village Hạ Long Bay” và “Dự án Sun Plaza Grand World”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22 kV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối), hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16 tháng 8 năm 2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đợt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nối đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn phường Đông Hải, phường Dư Hàng Kênh thuộc quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác theo thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10 tháng 01 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers). Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22 kV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark theo Hợp đồng số 201/HĐHTKD/ECOPARK-DNC ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp, hệ thống lưới điện trung thế 22 kV, hệ thống điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đếm điện. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung (Bên A) theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHT ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: Hợp tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Bắc Sông Cấm. Thời gian hợp tác lâu dài và theo từng giai đoạn. Bên A ủy quyền cho Công ty thực hiện các thủ tục để xin cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn Dự án các khu tái định cư Bắc Sông Cấm, hạch toán doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh. Lãi/Lỗ do quá trình kinh doanh điện tại Dự án mang lại sẽ được phân chia cho đối tác theo thỏa thuận. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung đã chấm dứt thực hiện và hai bên đang làm thủ tục bàn giao liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/2023/HĐHTKD/PQC-HP ngày 15 tháng 11 năm 2023 với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại “Dự án Khu đô thị Gateway”, “Dự án Cấp treo và Quản thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm - Phú Quốc”, “Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Khem Mặt trời Phú Quốc” và “Dự án khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Premier Village Phú Quốc Resort”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống trạm biến áp đầu tư trọn bộ, hệ thống lưới điện trung thế 22 kV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối); Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc đã chấm dứt thực hiện và hai bên đang thực hiện các thủ tục thanh quyết toán chi phí phát sinh.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 152/2024/HĐHTKD/VIETLAO-DNC ngày 04 tháng 9 năm 2024 với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào (Bên A), hợp tác để thực hiện kinh doanh điện hệ thống điện do Bên A đã đầu tư tại Dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại và Dự án mở rộng dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp trọn bộ; hệ thống lưới điện trung thế 22 kV, hệ thống lưới hạ thế tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2025/HĐHTKD/XT-DNC ngày 31 tháng 3 năm 2025 với Công ty TNHH Xuân Trường Hoàn Bò (Bên A), hợp tác để thực hiện kinh doanh điện hệ thống điện do Bên A đã đầu tư tại Dự án Cụm công nghiệp Hoàn Bò tại xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Theo hợp đồng, Công ty kinh doanh bằng tài sản của Bên A đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp trọn bộ; hệ thống lưới điện trung thế 22 kV, hệ thống lưới hạ thế tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị

Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng, người quản lý khác và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	2.493.290.053	2.392.742.596
Ông Đỗ Huy Đạt	561.475.500	594.000.000
Ông Lê Hữu Cảnh (*)	899.111.000	887.735.577
Ông Nguyễn Trung Kiên	174.500.000	148.000.000
Ông Tạ Văn Sơn	219.500.000	155.000.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	488.203.553	484.957.019
Bà Lại Thị Vinh	150.500.000	123.050.000

(*) Ông Lê Hữu Cảnh là thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.382.936.858	960.343.000
Ông Nguyễn Văn Thao	471.673.750	524.195.000
Ông Ngô Quyền	442.307.154	-
Bà Mai Thị Thanh Hà	468.955.954	436.148.000
Ban Kiểm toán nội bộ	453.835.046	434.006.829
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	402.335.046	355.006.829
Bà Dương Thị Thùy Linh	51.500.000	79.000.000
Cộng	4.330.061.957	3.787.092.425

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Cổ tức được nhận từ Công ty	10.924.638.000	8.800.939.500
Ông Đỗ Huy Đạt	3.823.827.000	3.059.062.500
Ông Lê Hữu Cảnh	1.867.974.000	1.494.079.500
Ông Nguyễn Trung Kiên	4.481.527.500	3.585.222.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	450.027.000	400.012.500
Ông Tạ Văn Sơn	70.500.000	55.585.500
Ông Nguyễn Văn Thao	-	25.200.000
Bà Lại Thị Vinh	114.543.000	91.635.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	113.764.500	88.462.500
Bà Mai Thị Thanh Hà	2.475.000	1.680.000
Ông Ngô Quyền	26.014.500	-

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bao gồm 200.000.000 VND, là số tiền đã ứng trước trong kỳ để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mà chưa được nghiệm thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Biên
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu đầu năm đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Năm 2025		Chênh lệch	Ghi chú
		Số đầu năm đã báo cáo	Số trình bày lại		
		VND	VND	VND	
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ					
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11.637.076.515	11.733.679.304	96.602.789	(i)
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	23.204.321.767	23.107.718.978	(96.602.789)	(i)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại các khoản tiền lãi dự thu đầu năm của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu

Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026